|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG CĐYT TIỀN GIANG **KHOA Y** |  |

**NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP CHUYÊN MÔN**

**CAO ĐẲNG HỘ SINH KHÓA 1**

**NĂM HỌC 2015 - 2016**

**1. HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1.1. Chăm sóc thai nghén**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Tổng quan về quá trình mang thai và một số thuật ngữ |
| 2 | Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng |
| 3 | Các xét nghiệm cơ bản khi mang thai, sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh |
| 4 | Khám thai và quản lý thai nghén |
| 5 | Thai nghén có nguy cơ cao |

**1.2. Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Đại cương chuyển dạ |
| 2 | Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ |
| 3 | Cơ chế đẻ |
| 4 | Vô khuẩn trong sản khoa |
| 5 | Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường |
| 6 | Biểu đồ chuyển dạ |
| 7 | Đỡ đẻ thường |
| 8 | Đỡ nhau và kiểm tra nhau |
| 9 | Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế |

**1.3. Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Đẻ khó do thai và ngôi bất thường  |
| 2 | Đẻ khó do mẹ |
| 3 | Đẻ khó do cơn co tử cung |
| 4 | Đẻ khó do phần phụ của thai  |
| 5 | Các biến cố trong cuộc đẻ  |
| 6 | Chăm sóc chảy máu sau đẻ  |
| 7 | Cắt - Khâu tầng sinh môn |
| 8 | Tư vấn trong và sau đẻ 6 giờ đầu |
| 9 | Hồi sức sơ sinh |
| 10 | Bấm ối, kiểm soát tử cung và bóc nhau nhân tạo |

**1.4. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Đại cương về chăm sóc sức khỏe phụ nữỨng dụng sự thay đổi pH âm đạo trong chăm sóc sản phụ khoa |
| 2 | Chăm sóc phụ nữ có ra máu bất thường đường sinh dục |
| 3 | Chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm sinh dục |
| 4 | Chăm sóc phụ nữ có khối u sinh dục và u vú |
| 5 | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh |
| 6 | Đại cương vô sinh |
| 7 | Chăm sóc phụ nữ sa sinh dục, rò bàng quang sinh dục và tiểu không tự chủ |
| 8 | Chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới |
| 9 | Khám phụ khoa |

**1.5. Chăm sóc sau đẻ**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ |
| 2 | Chăm sóc bà mẹ sau đẻ |
| 3 | Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ và chăm sóc vú |
| 4 | Nhiễm khuẩn sau đẻ |
| 5 | Rối loạn tâm thần sau đẻ  |
| 6 | Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ |
| 7 | Kế hoạch hóa gia đình sau đẻ |
| 8 | Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ |

**1.6. Chăm sóc sơ sinh**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng |
| 2 | Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng |
| 3 | Chăm sóc trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh |
| 4 | Bú sớm – Nuôi con bằng sữa mẹ |
| 5 | Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rốn |
| 6 | Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da |
| 7 | Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi |
| 8 | Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não |
| 9 | Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy |

**1.7. DS – KHHGĐ**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Đại cương dân số và các vấn đề phát triển dân số ở Việt Nam |
| 2 | Tổng quan về sức khỏe sinh sản |
| 3 | Các chỉ số về chăm sóc, bảo vệ BMTE – DS – KHHGĐ |
| 5 | Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGĐ |
| 6 | Các biện pháp tránh thai tự nhiên |
| 7 | Các biện pháp tránh thai hiện đại phi lâm sàng |
| 8 | Các biện pháp tránh thai có can thiệp lâm sàng |
| 9 | Tư vấn kế hoạch hóa gia đình |

**2. KỸ THUẬT THỰC HÀNH**

1. Khám thai 3 tháng cuối.
2. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ trường hợp trẻ thở được (Đỡ đẻ thường; Xử trí tích cực giai đoạn 3 chuyển dạ; Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ).
3. Đỡ nhau - Kiểm tra nhau.
4. Tắm trẻ sơ sinh.
5. Đặt dụng cụ tử cung TCu 380A.
6. Tháo dụng cụ tử cung có dây./.

|  |  |
| --- | --- |
|  **TRƯỞNG KHOA Y** **BS NGUYỄN VĂN TƯ** |  *Ngày 11 tháng 7 năm 2016* **TM. BỘ MÔN SẢN** **CN TRẦN THỊ KIM CHI** |